

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 15/5/2023.
*V/v Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hằng**

Bà **Ngô Thị Luân**

-*Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Cương** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1966

Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn TT 1, xã T H, huyện LH, tỉnh LD.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Phi H**, sinh năm: 1960

Bà **Hồ Thị H**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn P D, xã H Đ, huyện LH, tỉnh LD.

“Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hồ Thị H có mặt.

Ông Nguyễn Phi H vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 10/3/2020 ông T, bà Đ có cho ông H, bà H vay số tiền 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1,5%/tháng, việc vay tiền có viết giấy vay tiền. Đến cuối tháng 12/2020 ông H, bà H có trả cho ông T, bà Đ số tiền 50.000.000đồng, đến tháng 12/2021 ông H bà H có trả cho ông T bà Đ số tiền 40.000.000đồng. Còn lại 150.000.000đồng ông T bà Đ đã đòi nhiều lần nhưng ông H, bà H không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, ông T bà Đ khởi kiện yêu cầu ông H, bà H phải trả số nợ gốc là 150.000.000đồng và nợ lãi là 124.200.000đồng, cộng chung là 274.200.000đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu hai trăm ngàn đồng). Ngoài ra ông bà không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H kinh doanh buôn bán cả phê nhưng bị thua lỗ, ông H bà H cũng cho nhiều người vay tiền nhưng họ không trả nên mấy năm qua ông H bà H nhiều lần vay tiền của ông T bà Đ với lãi suất 15.000đồng đến 20.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày và lần vay cuối cùng là ông H bà H vay số tiền 800.000.000đồng, cứ 15 ngày đến 20 ngày ông H bà H trả lãi một lần. Đến khi ông H bà H bị người khác trốn nợ thì ông H bà H không trả được cho ông T, bà Đ. Ông H bà H đã yêu cầu ông T bà Đ lấy đất trừ nợ nhưng ông T bà Đ không đồng ý. Ông H bà H đã cố đi vay mượn để trả cho ông T bà Đ số tiền 560.000.000đồng còn lại 240.000.000đồng thì ông T bà Đ thống nhất không tính lãi và cho ông bà trả dần nên hai bên viết lại giấy nợ số tiền 240.000.000đồng, không ghi lãi suất. Đến ngày 10/01/2021 ông H bà H trả 50.000.000đồng, ngày 20/01/2022 ông H bà H trả 40.000.000đồng còn lại 150.000.000đồng chưa trả. Ông T, bà Đ nhiều lần đòi nợ chửi bới ông bà nhưng do không có khả năng nên ông H bà H chưa trả và ông H bị tai nạn nên càng khó khăn. Vì vậy, bà H trình bày đến Tòa án xem xét

3. Bị đơn ông Nguyễn Phi H trình bày: Việc vợ chồng ông H bà H vay tiền của vợ chồng ông T, bà Đ thì ông H đồng ý theo ý kiến của bà H đã trình bày. Ông không có ý kiến gì thêm, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông H có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, ông T, bà Đ yêu cầu ông H bà H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và nợ lãi theo lãi suất quy định của pháp luật, tính từ ngày ông H bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Đồng thời ông T, bà Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là hơn 86.000.000đồng.

Bà H xác định hiện nay vợ chồng bà còn nợ ông T, bà Đ số tiền 150.000.000đồng nhưng trước đây ông T bà Đ thỏa thuận cho vợ chồng bà trả dần nên bà sẽ trả dần số tiền này. Đối với tiền nợ lãi thì bà H không đồng ý trả vì ông T, bà Đ đã thống nhất không tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và nợ lãi là 37.750.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đối với yêu cầu trả lãi số tiền 86.250.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Phi H vắng mặt nhưng ông H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227,

Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ cho rằng ngày 10/3/2020 ông bà có cho ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H vay số tiền 240.000.000đồng, thời hạn trả nợ ngày 20/12/2020. Nhưng đến nay ông H, bà H chưa trả dứt điểm nợ vay nên ông T bà Đ khởi kiện. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Tài liệu chứng cứ ông T, bà Đ đi khởi kiện là bản chính giấy vay tiền ghi ngày 10/3/2020 ông H, bà H có vay số tiền 240.000.000đồng, thời hạn trả nợ ngày 20/12/2020, không thể hiện lãi suất (BL 09). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H thừa nhận ông H bà H có vay tiền của ông T, bà Đ và lần cuối cùng ông H bà H vay số tiền 800.000.000đồng, ông H bà H đã trả 560.000.000đồng cho ông T bà Đ, còn lại 240.000.000đồng thì ngày 10/3/2020 ông T bà Đ thống nhất viết lại giấy nợ, cho ông H bà H trả dần và không tính lãi đối với số tiền này. Đồng thời bà H có xuất trình chứng cứ thể hiện ngày 10/01/2021 ông H bà H có trả cho ông T bà Đ 50.000.000đồng (BL19), ngày 20/01/2022 ông H bà H có trả cho ông T bà Đ 40.000.000đồng (BL18). Vì vậy, còn lại số tiền 150.000.000đồng ông H bà H sẽ trả dần và không đồng ý trả tiền lãi.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận ngày 10/3/2020 hai bên thống nhất viết lại giấy nợ số tiền 240.000.000đồng và không tính lãi đối với số tiền này, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 20/12/2020. Nhưng đến ngày 20/12/2020 ông H, bà H không trả dứt điểm số tiền 240.000.000đồng mà đến nay ông H bà H vẫn còn nợ 150.000.000đồng. Như vậy, ông H bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết thỏa thuận, nay bà H yêu cầu cho ông bà trả dần là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc ông H bà H phải trả cho ông T bà Đ số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng là phù hợp.

[4]. Đối với yêu cầu trả lãi thì theo đơn khởi kiện ông T bà Đ yêu cầu ông H bà H phải trả lãi tổng cộng là 124.200.000đồng.

Qua xem xét thì Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền ghi ngày

10/3/2020 (BL09) thể hiện ông H, bà H có vay số tiền 240.000.000đồng nhưng không thể hiện lãi suất. Ông H bà H cho rằng ông T bà Đ đồng ý không tính lãi trên số tiền 240.000.000đồng. Ông T, bà Đ không có chứng cứ nào khác chứng minh việc cho vay có lãi suất. Vì vậy, cần xác định việc vay số tiền 240.000.000đồng theo sự thỏa thuận của hai bên là vay không có lãi.

Thời hạn hai bên thỏa thuận trả nợ là ngày 20/12/2020 nhưng đến ngày 20/12/2020 ông H, bà H không trả dứt điểm nợ vay mà ông bà chỉ trả một phần. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp trên chỉ được tính lãi suất 10%/01 năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, tại phiên tòa ông T, bà Đ yêu cầu ông H bà H phải trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

Tại phiên tòa, ông T bà Đ đồng ý bắt đầu tính lãi từ ngày 11/01/2021 (do ngày 10/01/2021 ông H, bà H trả 50.000.000đồng), lãi suất được tính như sau:

Ngày 11/01/2021 đến ngày 20/01/2022 là 12 tháng 09 ngày, ông T bà Đ đồng ý lấy tròn 12 tháng là 19.000.000đồng ($190.000.000\text{đồng} \times 12\text{ tháng} \times 10\%/01\text{ năm}$)

Ngày 21/01/2022 đến ngày xét xử 15/5/2023 là 15 tháng 24 ngày, ông T bà Đ đồng ý lấy tròn 15 tháng là 18.750.000đồng ($150.000.000\text{đồng} \times 15\text{ tháng} \times 10\%/01\text{ năm}$).

Tổng cộng tiền lãi là 37.750.000đồng.

[5] Tại phiên tòa, ông T bà Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất 86.450.000đồng ($124.200.000\text{đồng} - 37.750.000\text{đồng}$) nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi của ông T, bà Đ là phù hợp.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, cần buộc ông H, bà H phải trả cho ông T, bà Đ số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và nợ lãi là 37.750.000đồng, cộng chung là 187.750.000đồng

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Đ nên buộc ông H, bà H phải chịu 9.387.500đồng (187.750.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông H, bà H phải trả cho ông T, bà Đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông T, bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H.

Buộc ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 187.750.000đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) gồm nợ gốc là 150.000.000đồng và nợ lãi là 37.750.000đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ về việc khởi kiện số tiền nợ lãi 86.450.000đồng (Tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Phi H, bà Hồ Thị H phải chịu 9.387.500đồng (Chín triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 6.855.000đồng (Sáu triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012325 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án Dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi Hành án Dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2023) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm H;
- Chi cục THADS huyện Lâm H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang